

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO

Thái Nguyên, 2025

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỬ NHÂN NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao được xây dựng năm 2025 nhằm mục đích phát triển một số ngành đào tạo của Trường Đại học Sư phạm đạt tiêu chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng đào tạo đại học, đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam.

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao được xây dựng để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục phổ thông năm 2018. Các môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao đều được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ của Khoa.

Khoa Thể dục thể thao không ngừng cải tiến và phát triển về cơ sở vật chất cũng như các hoạt động giáo dục và nghiên cứu nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của lĩnh vực Thể dục Thể thao. Khoa đã và đang cung cấp, tạo dựng cho người học môi trường giáo dục toàn diện cả về mặt lý thuyết và thực tế, khuyến khích người học học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và hợp tác.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Huấn luyện thể thao
Tên chương trình (tiếng Anh)	Sport Coaching
Mã ngành đào tạo:	7810302
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	122
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 122 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng. - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ. - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	- Huấn luyện viên, hướng dẫn viên tại các Trung tâm huấn luyện đào tạo và thi đấu Thể thao; Câu lạc bộ TDTT; các tổ chức xã hội; các trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp về TDTT; - Giáo viên tại các trường năng khiếu TDTT. - Cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu khoa học TDTT. - Cán bộ chuyên môn về lĩnh vực TDTT cấp xã (phường); trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp huyện (thành, thị) và trong các lực lượng vũ trang.
Học tập nâng cao trình độ:	Người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ ở các ngành phù hợp, các lớp quản lí, huấn luyện viên và trọng tài trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	Chương trình cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao Trường Đại học Thể dục Thể thao Thượng Hải Trung Quốc. Chương trình cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Kinh Trung Quốc. Chương trình cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao Trường Đại học Thể dục Thể thao Lithuanian
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Tháng 7/2025

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình là Đào tạo sinh viên trình độ đại học ngành Huấn luyện thể thao (HLTT) có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao; có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý huấn luyện vận động viên, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao; có kỹ năng và năng lực tổ chức các hoạt động, sự kiện thể dục thể thao. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm công tác Huấn luyện môn thể thao chuyên ngành ở các câu lạc bộ Thể dục thể thao (TDTT), các đội tuyển thể thao, là cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý xã hội về TDTT; hoặc tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học TDTT trong các cơ sở đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân về lĩnh vực TDTT. Tổ chức thi đấu, trọng tài các giải thể thao theo chuyên ngành đào tạo; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có phẩm chất chí trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; có năng lực chung, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng.

PO2: Có kiến thức chung, kiến thức ngành và bổ trợ, kiến thức nghiệp vụ của chuyên ngành Huấn luyện thể thao để vận dụng trong công tác dạy học, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.

PO3: Vận dụng được các kiến thức cơ bản của chuyên ngành Huấn luyện thể thao vào hoạt động huấn luyện, dạy học, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.

PO4: Có năng lực thiết kế, tổ chức thực hiện hoạt động huấn luyện, dạy học, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.

PO5: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

PO6. Có năng lực huấn luyện, dạy học, đánh giá kết quả tuyển chọn và đào tạo của vận động viên trong lĩnh vực TDTT.

PO7. Có năng lực nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDTT.

PO8: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Kiến thức

** Kiến thức chung:*

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn và hoạt động chuyên môn.

PLO2: Vận dụng có hiệu quả các kiến thức nền tảng của khoa học vận động để giải thích các vấn đề xảy ra trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.

** Kiến thức chuyên môn:*

PLO3: Vận dụng được kiến thức khoa học huấn luyện thể thao để đánh giá, giải quyết tốt các vấn đề cụ thể trong các hoạt động TDTT, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, huấn luyện và tuyển chọn tài năng thể thao trong đào tạo môn chuyên sâu.

PLO4: Áp dụng được kiến thức cơ bản về quản lý, giáo dục học, kinh tế và kinh doanh dịch vụ thể thao để giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

4.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung:*

PLO5: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động huấn luyện, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO6: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, huấn luyện, đánh giá và quản lý vận động viên.

PLO7: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

** Kỹ năng chuyên môn:*

PLO8: Thực hiện và phân tích được kỹ thuật của các môn thể thao cơ bản và thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo Huấn luyện thể thao;

PLO9: Vận dụng được phương pháp dạy học, huấn luyện, phương pháp kiểm tra, đánh giá trong hoạt động huấn luyện môn thể thao cơ bản ở cơ sở.

PLO10: Xây dựng được kế hoạch chuyên môn và tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục ở cơ sở.

PLO11: Thực hiện có hiệu quả công tác huấn luyện và tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao chuyên sâu.

PLO12: Phối hợp được với các tổ chức và cá nhân có liên quan trong triển khai công tác chuyên môn; Đề xuất được các giải pháp nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao.

4.3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PLO13: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO14: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

5. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức				Kỹ năng								NL tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PL O11	PLO 12	PLO 13	PL O14
PO1	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x
PO2	x	x	x	x				x	x	x	x	x		
PO3		x	x					x	x	x	x	x		
PO4									x	x	x	x		
PO5					x									x
PO6			x	x				x	x	x	x	x		
PO7				x						x				
PO8						x	x							

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu liên quan đến công tác giảng dạy như: Chuẩn bị học liệu, đề cương bài giảng, đề cương môn học, ngân hàng câu hỏi phục vụ kiểm tra, đánh giá...

Ngoài ra, giảng viên phải có trách nhiệm đề xuất các thiết bị, dụng cụ, sân bãi phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của các học phần mình đảm nhiệm.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi môn học trong chương trình đều được sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, Elearning.

Phương pháp thuyết trình: Được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết. Mục đích là giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần

Phương pháp bài tập: Được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập. Mục đích là vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến môn học; Rèn luyện kĩ năng tương tác với tập thể; Kĩ năng viết và trình bày bảng. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp seminar, thảo luận: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của môn học. Rèn luyện kĩ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp thực hành: Được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện khả năng thực hành các kĩ - chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài cho sinh viên. Ngoài ra, phương pháp thực hành còn giúp sinh viên kiểm chứng các nội dung lí thuyết của môn học. Từ đó nâng cao năng lực thực hành trong quá trình dạy học và nghiên cứu của sinh viên.

Phương pháp E-learning: Được áp dụng đối với một số môn học. Mục đích là trao quyền chủ động nhất cho người học về không gian, thời gian và kiến thức. Tuy nhiên hình thức dạy học này đòi hỏi sự đầu tư rất lớn ở người thầy, nên mới triển khai được ở một số ít môn học.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần để điều chỉnh đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và SGK;

- Trong từng năm học các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao năng lực GV;

- Các học phần của chương trình đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của người thầy.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài	đầu điểm
			kiểm tra định kì	quá trình
2	1	1	1	3
3-4	1	2	2	5

- Trọng số điểm: Đánh giá quá trình 50%; Thi kết thúc học phần 50%

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương 26 tín chỉ	Bắt buộc	26 tín chỉ
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 56 tín chỉ	Bắt buộc	32 tín chỉ
		Tự chọn	24 tín chỉ
3.	Kiến thức nghiệp vụ 34 tín chỉ	Bắt buộc	14 tín chỉ
		Tự chọn	20 tín chỉ
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 6 tín chỉ	Khoá luận	6 tín chỉ
		Tự chọn	6 tín chỉ
Tổng số			122 TC

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 11 học phần bắt buộc. Khối kiến thức chung được xác định theo quy định chung của Bộ Chính trị. Khối kiến thức này cung cấp những kiến thức về phương pháp luận, từ đó vận dụng các quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cũng như kiến thức pháp luật và giúp sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ.

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành), gồm 10 học phần bắt buộc và 8 học phần tự chọn. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp cung cấp những kiến thức hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành; Khối kiến thức ngành cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn vững vàng.

- Kiến thức nghiệp vụ, gồm 5 học phần bắt buộc và 5 học phần tự chọn. Khối kiến thức nghiệp vụ giúp cung cấp các kiến thức nghiệp vụ và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

- Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, gồm Khóa luận tốt nghiệp và 05 học phần tự chọn. Các học phần thay thế khóa luận và khóa luận tốt nghiệp giúp cung cấp kiến thức cho sinh viên trước khi ra trường và nâng cao khả năng giảng dạy, thực hành trong lĩnh vực HLTT.

2. Danh sách học phần

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
1. Kiến thức giáo dục đại cương			26
1.	59SPH131	Triết học Mác - Lênin	3
2.	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3.	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4.	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5.	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6.	59GEL121	Pháp luật đại cương	2
7.	59ENG131	Tiếng Anh 1	3
8.	59ENG132	Tiếng Anh 2	3
9.	59ENG143	Tiếng Anh 3	4
10.	59GIF131	Tin học đại cương	3
11.	59MIE131	Giáo dục quốc phòng	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			56
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			22
2.1.1. Các học phần bắt buộc			13
12.	59APS241	Giải phẫu và Sinh lý TĐTT	4
13.	59SMC231	Vệ sinh và Y học TĐTT	3
14.	59SRM231	Phương pháp NCKH và Đo lường TT	3
15.	59STM231	Lý luận và phương pháp TĐTT	3
2.1.2. Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 7 học phần)			9
16.	59SPR231	Hội phục thể thao	3
17.	59SBC231	Sinh hóa học TĐTT	3
18.	59BBS231	Sinh cơ học TĐTT	3

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
19.	59SPN231	Dinh dưỡng thể thao	3
20.	59AST231	Tuyển chọn VĐV	3
21.	59ATN231	Đào tạo VĐV	3
22.	59SPL231	Tâm lý học TDTT	3
2.2. Kiến thức ngành			34
2.2.1. Các học phần bắt buộc			19
23.	59ATH341	Điện kinh	4
24.	59GYM331	Thể dục	3
25.	59SWM331	Bơi	3
26.	59FBA331	Bóng đá	3
27.	59BMT331	Cầu lông	3
28.	59VLB331	Bóng chuyền	3
2.2.2. Các học phần tự chọn (chọn 5/12 học phần)			15
29.	59BKB331	Bóng rổ	3
30.	59KFU331	Võ thuật	3
31.	59NTS331	Thể thao dân tộc	3
32.	59SSC331	Đá cầu	3
33.	59SGA331	Trò chơi vận động	3
34.	59GYY331	Gym	3
35.	59YOG331	Yoga	3
36.	59PLB331	Pickleball	3
37.	59TEI331	Quần vợt	3
38.	59CHE331	Cờ vua	3
39.	59TTE331	Bóng bàn	3
40.	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3
3. Kiến thức nghiệp vụ			34
3.1. Các học phần bắt buộc			14
41.	59EDS431	Phương pháp huấn luyện Thể thao	3
42.	59SCC431	Giáo dục học TDTT	3
43.	59ASF431	Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	3
44.	59PFP421	Thực tập nghiệp vụ 1	2
45.	59PFP432	Thực tập nghiệp vụ 2	3
3.2. Các học phần tự chọn: Thể thao chuyên sâu			20
46.	59FBA441	Bóng đá chuyên sâu 1	4
47.	59FBA442	Bóng đá chuyên sâu 2	4

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
48.	59FBA443	Bóng đá chuyên sâu 3	4
49.	59FBA444	Bóng đá chuyên sâu 4	4
50.	59FBA445	Bóng đá chuyên sâu 5	4
51.	59VLB441	Bóng chuyền chuyên sâu 1	4
52.	59VLB442	Bóng chuyền chuyên sâu 2	4
53.	59VLB443	Bóng chuyền chuyên sâu 3	4
54.	59VLB444	Bóng chuyền chuyên sâu 4	4
55.	59VLB445	Bóng chuyền chuyên sâu 5	4
56.	59BKB441	Bóng rổ chuyên sâu 1	4
57.	59BKB442	Bóng rổ chuyên sâu 2	4
58.	59BKB443	Bóng rổ chuyên sâu 3	4
59.	59BKB444	Bóng rổ chuyên sâu 4	4
60.	59BKB445	Bóng rổ chuyên sâu 5	4
61.	59BMT441	Cầu lông chuyên sâu 1	4
62.	59BMT442	Cầu lông chuyên sâu 2	4
63.	59BMT443	Cầu lông chuyên sâu 3	4
64.	59BMT444	Cầu lông chuyên sâu 4	4
65.	59BMT445	Cầu lông chuyên sâu 5	4
4. Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6
4.1. Khoá luận tốt nghiệp			6
66.	59GTP904	Khoá luận tốt nghiệp	6
4.2. Các học phần thay thế KLTN (chọn 2/5 học phần)			6
Tự chọn			
67.	59SMG901	Quản lý TDTT	3
68.	59SPE901	Kinh tế học TDTT	3
69.	59SEM901	Thể thao giải trí	3
70.	59SHO901	Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic	3
71.	59SMT901	Marketing Thể thao	3
Tổng cộng			122

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất

I. HỌC KÌ 1:

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Chi chú
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	32	10	6	10				
2	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				
3	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				
4	59ATH341	Điền kinh	4	8	12	92					
5	59FBA331	Bóng đá	3	6	9	69					
6	59BMT331	Cầu lông	3	6	9	69					
Tổng số tín chỉ			19								

II. HỌC KÌ II

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	
2	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			55ENG131	
3	59APS231	Giải phẫu và Sinh lý TĐTT	4	45		30					
4	59SRM231	Phương pháp NCKH và Đo lường TT	3	30	10	10	10				
5	59SWM331	Bơi	3	6	9	69					
	59VLB331	Bóng chuyền	3	6	9	69					
6	59BKB331	Bóng rổ	3	6	9	69					Chọn 1/2 học phần
7	59KFU331	Võ thuật	3	6	9	69					
Tổng số tín chỉ			21								

Năm thứ hai

I. HỌC KỲ 1

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	
2	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			55ENG132	

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
3	59SMC231	Vệ sinh và Y học TDTT	3	35		20				59APS241	
4	59FBA441	Bóng đá chuyên sâu 1	4	8	12	92				59FBA331	Chọn 1/4 học phần
5	59VLB441	Bóng chuyền chuyên sâu 1	4	8	12	92				59VLB331	
6	59BKB441	Bóng rổ chuyên sâu 1	4	8	12	92				59BKB331	
7	59BMT441	Cầu lông chuyên sâu 1	4	8	12	92				59BMT331	
8	59SPR231	Hồi phục thể thao	3	35	10		10				Chọn 2/4 học phần
9	59SPN231	Dinh dưỡng thể thao	3	35	10		10				
10	59SBC231	Sinh hóa học TDTT	3	35		10	10				
11	59BBS231	Sinh cơ học TDTT	3	35		10	10				
Tổng số tín chỉ			19								

II. HỌC KỲ 2

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	
2	59STM231	Lý luận và phương pháp TDTT	3	30	9		12	9			
3	59GYM331	Thể dục	3	6	9	69					
4	59AST231	Tuyển chọn VĐV	3	35	10		10				Chọn 1/3 học phần
5	59ATN231	Đào tạo VĐV	3	35	10		10				
6	59SPL231	Tâm lý học TDTT	3	35	10		10				
7	59FBA442	Bóng đá chuyên sâu 2	4	8	12	92				59FBA441	Chọn 1/4 học phần
8	59VLB442	Bóng chuyền chuyên sâu 2	4	8	12	92				59VLB441	
9	59BKB442	Bóng rổ chuyên sâu 2	4	8	12	92				59BKB441	
10	59BMT442	Cầu lông chuyên sâu 2	4	8	12	92				59BMT441	
Tổng số tín chỉ			15								

Năm thứ ba

I. HỌC KỲ I

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	
2	59EDS431	Phương pháp huấn luyện Thể thao	3	31	10		9	9			
3	59FBA443	Bóng đá chuyên sâu 3	4	8	12	92				59FBA442	Chọn 1/4
4	59VLB443	Bóng chuyền chuyên sâu 3	4	8	12	92				59VLB442	

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
5	59BKB443	Bóng rổ chuyên sâu 3	4	8	12	92				59BKB442	học phần
6	59BMT443	Cầu lông chuyên sâu 3	4	8	12	92				59BMT442	
7	59CHE331	Cờ vua	3	6	9	69					Chọn 2/3 học phần
8	59SSC331	Đá cầu	3	6	9	69					
9	59SGA331	Trò chơi vận động	3	6	9	69					học phần
Tổng số tín chỉ			15								

II. HỌC KỲ II

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				
2	59ASF431	Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	3					90			
3	59FBA444	Bóng đá chuyên sâu 4	4	8	12	92				59FBA443	Chọn 1/4 học phần
4	59VLB444	Bóng chuyền chuyên sâu 4	4	8	12	92				59VLB443	
5	59BKB444	Bóng rổ chuyên sâu 4	4	8	12	92				59BKB443	học phần
6	59BMT444	Cầu lông chuyên sâu 4	4	8	12	92				59BMT443	
7	59PFP421	Thực tập nghiệp vụ 1	2	03 tuần ở cơ sở							
8	59GYY331	Gym	3	6	9	69					Chọn 1/3 học phần
9	59YOG331	Yoga	3	6	9	69					
10	59PLB331	Pickleball	3	6	9	69					học phần
Tổng số tín chỉ			14								

Năm thứ tư

I. HỌC KỲ I

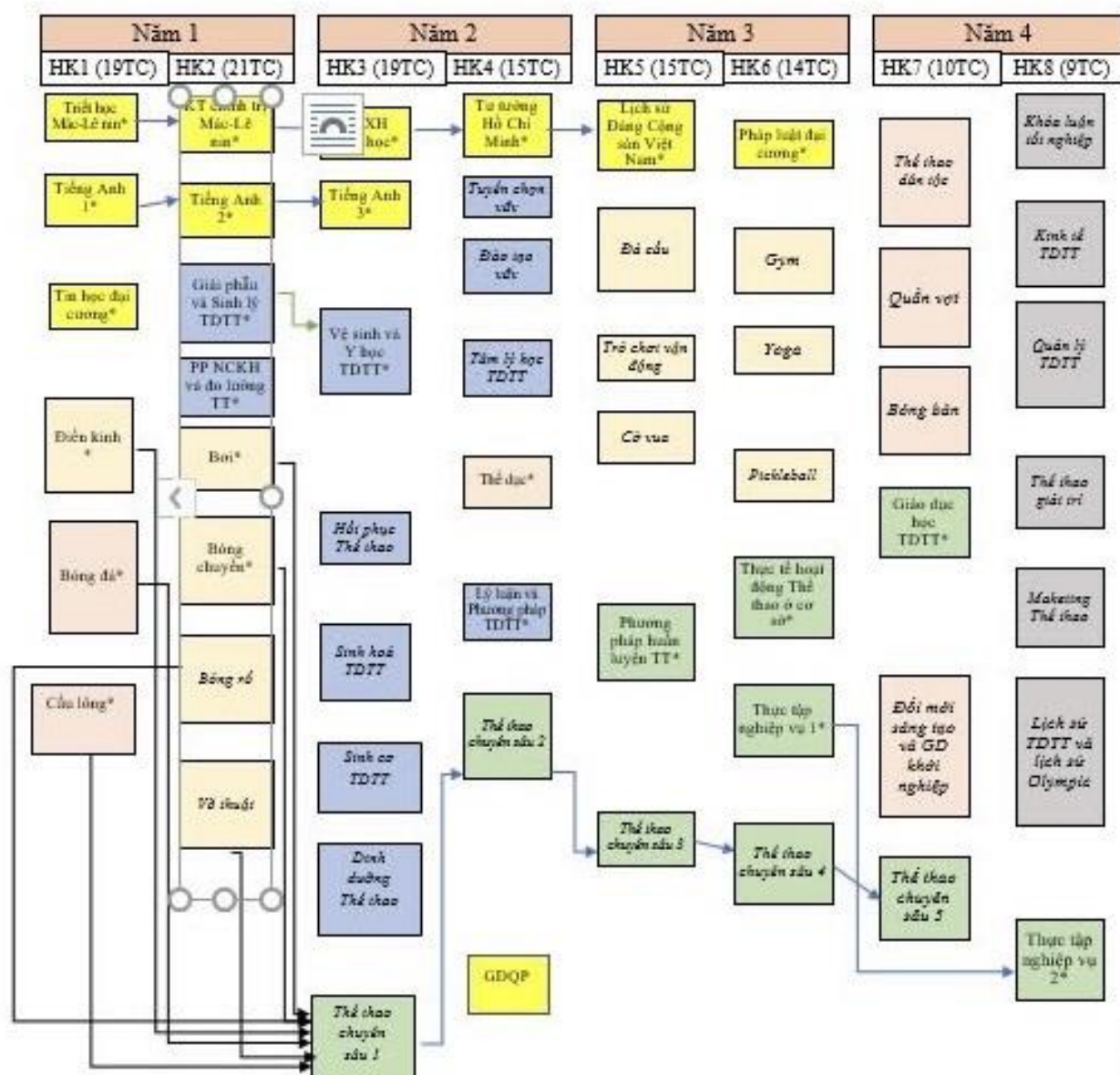
Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59FBA445	Bóng đá chuyên sâu 5	4	8	12	92				59FBA444	Chọn 1/4 học phần
2	59VLB445	Bóng chuyền chuyên sâu 5	4	8	12	92				59VLB444	
3	59BKB445	Bóng rổ chuyên sâu 5	4	8	12	92				59BKB444	học phần
4	59BMT445	Cầu lông chuyên sâu 5	4	8	12	92				59BMT444	
5	59SCC431	Giáo dục học TDTT	3	30	15		15				
6	59TEI331	Quần vợt	3	6	9	69					

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
7	59NTS331	Thể thao dân tộc	3	6	9	69					
8	59TTE331	Bóng bàn	3	6	9	69					
9	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				
Tổng số tín chỉ			10								

II. HỌC KỲ II

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				TTCM cơ sở	HP tiên quyết	HP học rước	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1	59PFP432	Thực tập nghiệp vụ 2	3	07 tuần ở cơ sở						59PFP421	
2	59GTP904	Khoá luận tốt nghiệp	6								Tự chọn
3	59SPE231	Kinh tế học TDTT	3	35	10		10				Chọn 2/5 hp
4	59SMG901	Quản lý TDTT	3	30	15		15				
5	59SEM901	Thể thao giải trí	3	30	15		15				
6	59SHO901	Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic	3	30	15		15				
7	59SMT901	Marketing Thể thao	3	30	15		15				
Tổng số tín chỉ			9								

*. Sơ đồ lộ trình giảng dạy các học phần



4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;

3= Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn		Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PLO 9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Khối kiến thức đại cương	2	0	0	0	2	1	1	0	0	0	0	0	1	2
Cơ sở ngành	0	1	2	2	1	0	0	1	1	1	1	1	0	2
Khối kiến thức ngành	0	0	2	1	1	0	1	3	2	1	1	1	0	1
NVSP	0	1	1	1	1	1	0	2	1	1	1	1	0	2
TT KLTN	0	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	2

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Đóng góp không rõ ràng; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;

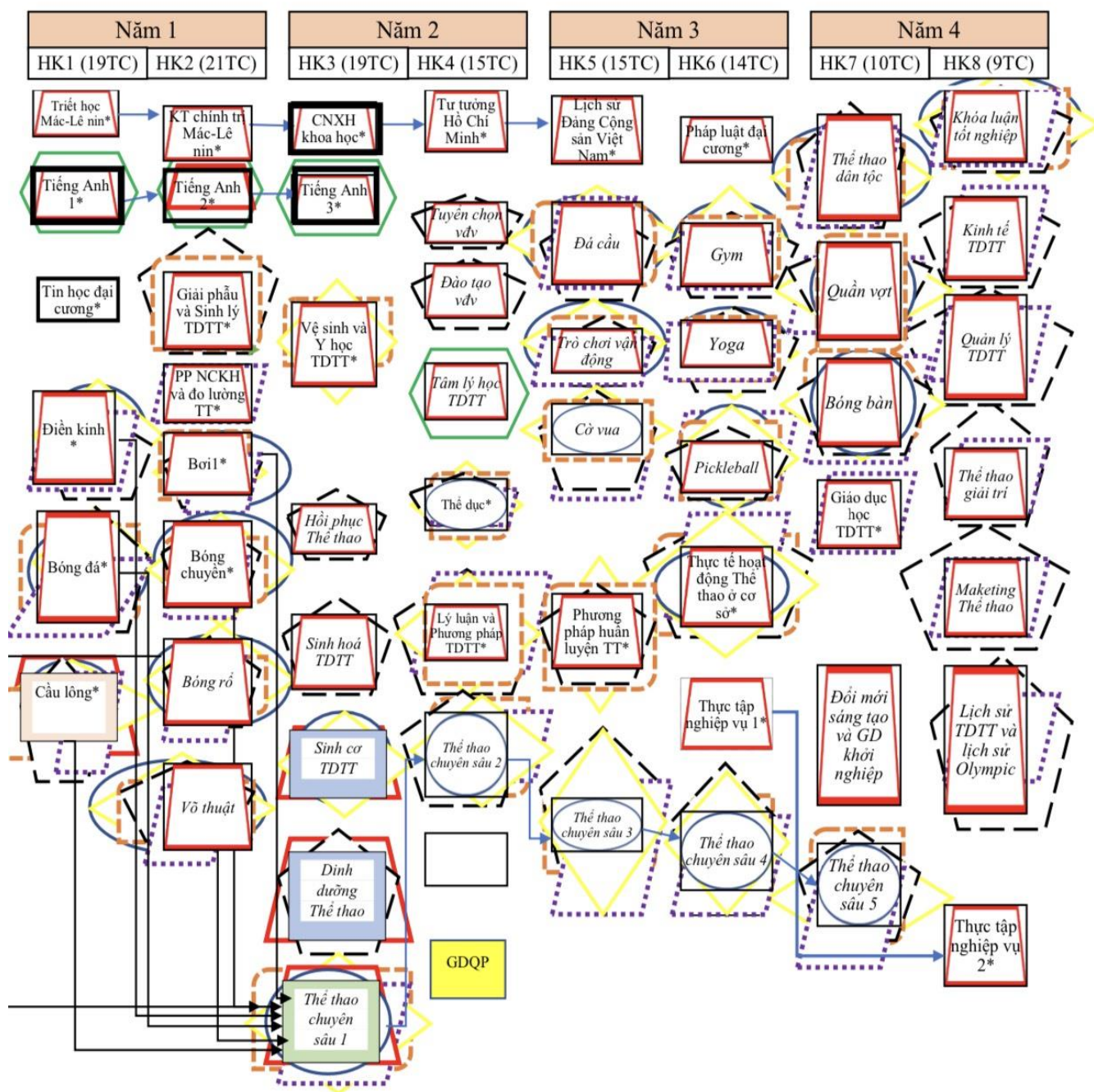
3= Đóng góp mức cao)

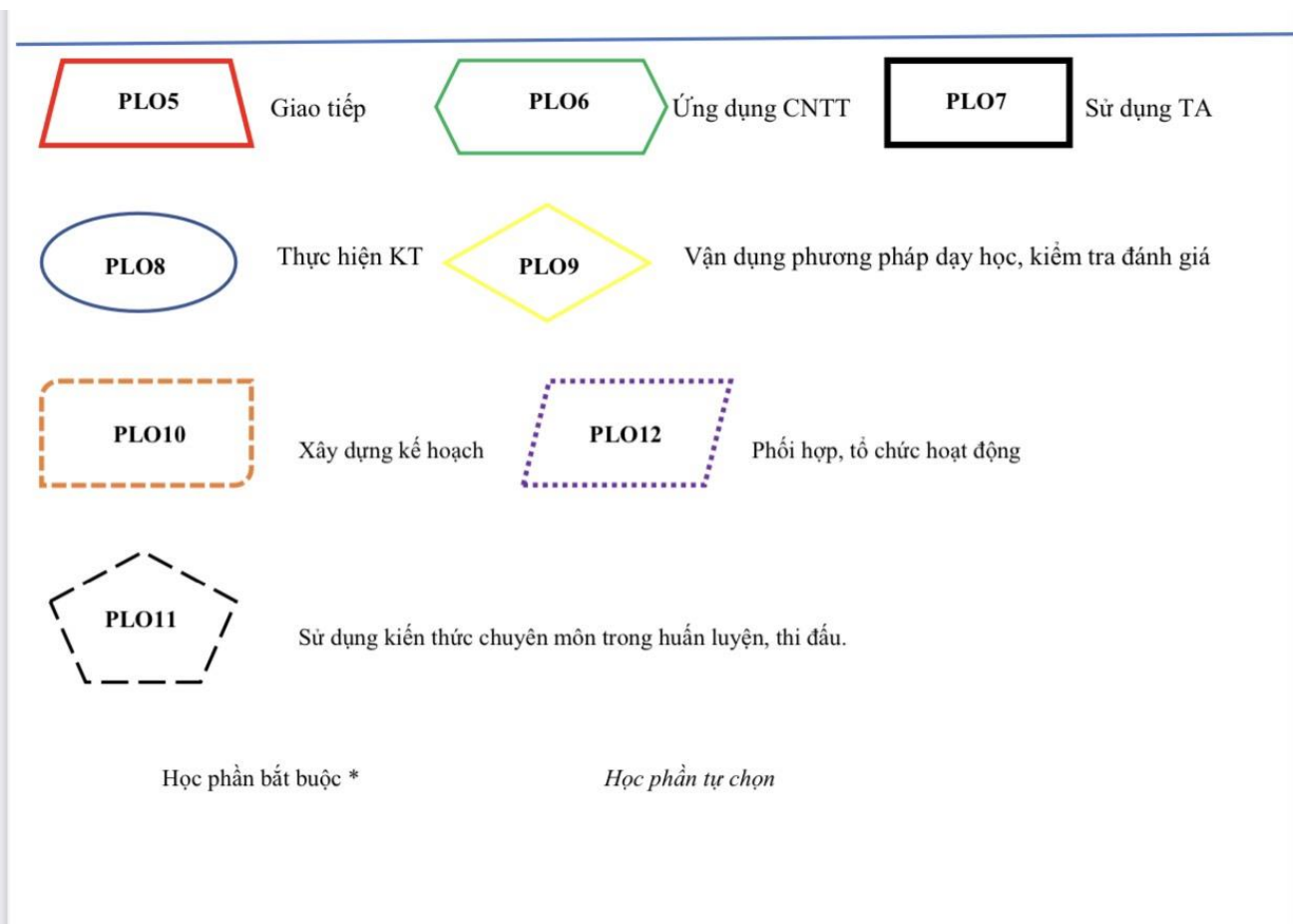
Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn		Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Triết học Mác - Lênin	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	3
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	3	0	1	0	0	0	0	0	1	3
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	2
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	3
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1

Tiếng Anh 1	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	0	2
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	0	2
Tiếng Anh 3	2	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2
Giáo dục quốc phòng														
Giải phẫu và Sinh lý học TDTT	0	0	2	1	1	0	0	0	0	2	2	0	0	1
Vệ sinh và Y học TDTT	0	0	3	2	1	0	0	0	2	2	0	0	0	2
Phương pháp NCKH và Đo lường TT	0	0	2	3	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2
Lý luận và phương pháp TDTT	0	0	3	3	1	0	0	0	1	2	1	1	0	1
Hồi phục thể thao	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Sinh hóa học TDTT	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Sinh cơ học TDTT	0	0	2	2	1	0	0	2	1	0	0	0	0	1
Tuyển chọn VĐV	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Đào tạo VĐV	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Dinh dưỡng thể thao	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Tâm lý học TDTT	0	3	0	0	2	3	0	0	0	0	0	0	1	1
Điện kinh	0	0	2	0	1	0	0	3	1	0	1	2	0	1
Thể dục	0	0	3	0	0	0	0	2	2	1	1	1	0	1
Bơi	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Bóng đá	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Cầu lông	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Bóng chuyền	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Bóng rổ	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Võ thuật	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Thể thao dân tộc	0	0	2	1	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
Đá cầu	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Trò chơi vận động	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
Gym	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Yoga	0	0	2	0	1	0	0	3	1	2	2	1	0	1
Pickleball	0	0	2	0	2	0	0	3	1	2	1	1	0	1
Quần vợt	0	0	2	0	2	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Cờ vua	0	0	2	0	0	0	0	3	2	1	1	1	0	1
Bóng bàn	0	0	2	0	1	0	0	3	1	2	1	1	0	1
Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	0	3	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2
Phương pháp huấn luyện	0	1	0	2	1	0	0	0	1	1	1	0	0	2
Giáo dục học TDTT	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2
Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	0	0	2	2	1	0	0	1	1	2	2	1	0	2
Thực tập nghiệp vụ 1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
Thực tập nghiệp vụ 2	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3
Thể thao chuyên sâu 1	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1
Thể thao chuyên sâu 2	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1
Thể thao chuyên sâu 3	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1

Thể thao chuyên sâu 4	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1
Thể thao chuyên sâu 5	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	1	0	1
Khoá luận tốt nghiệp	0	1	0	2	1	0	0	2	2	2	2	1	0	2
Quản lý TDTT	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	2	0	0
Kinh tế học TDTT	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	2	0	0
Thể thao giải trí	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	2	0	0
Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1
Maketing Thể thao	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1

* Ma trận phát triển kỹ năng





VII. Tóm tắt nội dung học phần

7.1. 59SPH131, *Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)*

Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin (chương 3).

7.2. 59SPE121, *Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)*

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của CácMác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

7.3. 59SSO121, Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

7.4. 59HCM121, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

7.5. 59HPV121, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay

7.6. 59GEL121, Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống

pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

7.7. 59ENG131, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

7.8. 59ENG132, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

7.9. 59ENG143, Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ)

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

7.10. 59GIF131, Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

7.11. 59MIE131, Giáo dục quốc phòng

7.12. 59APS241, Giải phẫu và Sinh lý TDTT (4 tín chỉ)

Học phần giải phẫu và sinh lý học thể dục thể thao người cung cấp cho sinh viên chuyên ngành thể dục thể thao kiến thức về đại cương môn học, các nguyên tắc hoạt động của cơ thể người và các chức phận có liên quan. Học phần này bao gồm các kiến

thức cơ bản về các chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ), hệ thần kinh, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, sinh dục. Những quan điểm về cơ chế sinh lý của việc hình thành kỹ năng vận động và phát triển các tổ chức vận động. Tác dụng của tập luyện thể dục thể thao đối với tất cả các cơ quan của cơ thể và tăng cường được khả năng thích nghi của chúng với điều kiện sống khác nhau.

Các kiến thức tổng hợp của cơ thể con người sẽ đạt được với các buổi thực hành, bao gồm các nghiên cứu về một số hệ cơ quan trong cơ thể người. Đồng thời, môn học này còn là bộ phận kiến thức cần thiết cho việc tiếp thu kiến thức các môn học khác như sinh hóa học thể dục thể thao, y học thể dục thể thao ... cũng như ứng dụng trong phân tích kỹ thuật bài tập thể chất.

7.13. 59SMC231, Vệ sinh và Y học TDTT (3 tín chỉ)

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, vệ sinh học đường và vệ sinh trong tập luyện TDTT. Tìm hiểu về đặc điểm hình thái chức năng, phát triển thể chất nhằm đánh giá về thể lực và sức khỏe con người. Từ những kiến thức đã học sinh viên biết phòng tránh, chấn thương, bệnh lý và bước đầu biết xử lý các trường hợp chấn thương và bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDTT.

7.14. 59SRM231, Phương pháp NCKH và Đo lường TT (3 tín chỉ)

Môn học Phương pháp NCKH và Đo lường TT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDTT phù hợp với xu thế phát triển của khoa học hiện đại trên cơ sở tích lũy những kinh nghiệm thực tiễn của công tác thể dục thể thao nước ta. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho người học những kiến thức khái quát về đo lường TT; cơ sở lý luận của test; Phương pháp đánh giá trong đo lường TT. Thông qua môn học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề về lý luận vào thực tiễn quá trình giảng dạy, huấn luyện và NCKH trong lĩnh vực TDTT.

7.15. 59STM231, Lý luận và phương pháp TDTT (3 tín chỉ)

Học phần Lý luận và phương pháp TDTT trang bị cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về TDTT; bản chất, chức năng cơ bản của TDTT; Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của TDTT; Các phương tiện GDTC; Các phương pháp GDTC; Các nguyên tắc về phương pháp GDTC; Các hình thức tổ chức giờ thể dục; Những đặc điểm

cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và phương pháp giáo dục các tổ chất thể lực; Kết thúc học phần, người học có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học.

7.16. 59SPR231, Hồi phục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần Hồi phục thể thao trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về mệt mỏi và hồi phục trong hoạt động thể thao cũng như kiến thức và kỹ năng về phục hồi chức năng trong thể thao. Từ những nội dung kiến thức này, người học có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn về Thể dục thể thao quần chúng tại cơ sở.

7.17. 59SBC231, Sinh hóa học TDTT (3 tín chỉ)

Sinh hóa học Thể dục thể thao là môn khoa học cung cấp cho người học những hiểu biết về thành phần các chất trong cơ thể sống và sự chuyển hóa các chất trong cơ thể, bên cạnh đó còn trang bị cho người học các quy luật sinh hóa của quá trình phát triển thể chất và huấn luyện thể thao. Môn học phản ánh một cách chung nhất những phản ứng sinh hóa diễn ra tại các cơ quan, các mô của cơ thể. Thông qua môn học giúp người học ứng dụng rộng rãi kiến thức của môn học trong quá trình dạy học môn Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

7.18. 59BBS231, Sinh cơ học TDTT (3 tín chỉ)

Học phần Sinh cơ học Thể dục thể thao góp phần trang bị cho người học mối liên hệ giữa khoa học vận động của các bộ phận cơ thể con người với kiến thức động lực học, nhằm mục đích tối ưu hóa kỹ thuật thực hiện động tác trong quá trình tập luyện, thi đấu và lao động sản xuất. Từ đó giúp người học ứng dụng rộng rãi kiến thức của môn học trong quá trình giảng dạy môn Giáo dục thể chất, nghiên cứu và huấn luyện thể thao.

7.19. 59SPN231, Dinh dưỡng thể thao (3 tín chỉ)

Học phần Dinh dưỡng thể thao trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng, đặc điểm dinh dưỡng vận động viên; Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm an toàn thực phẩm; Đặc điểm dinh dưỡng của tuổi nhi đồng, thiếu niên và lứa tuổi lao động. Những kiến thức và kỹ năng này có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn về Thể dục thể thao tại cơ sở.

7.20. 59AST231, Tuyển chọn VĐV (3 tín chỉ)

Học phần Tuyển chọn vận động viên trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm và khuynh hướng mới, cơ sở khoa học, nguyên tắc và quy trình tuyển chọn VĐV thể thao; Trang bị kỹ năng sử dụng các chỉ tiêu, phương pháp tuyển chọn và đánh giá khả năng VĐV. Những kiến thức và kỹ năng này có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn về Thể dục thể thao tại cơ sở.

7.21. 59ATN231, Đào tạo VĐV (3 tín chỉ)

Học phần đào tạo vận động viên trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về đào tạo tài năng thể thao, những con đường, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng ở bậc phổ thông, các phương pháp đánh giá ban đầu về tài năng của đối tượng được tuyển chọn từ đó nâng cao thành tích huấn luyện tài năng thể thao. Ngoài ra môn học giúp cho học viên nắm được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong huấn luyện thể thao hiện đại.

7.22. 59SPL231, Tâm lý học TDTT (3 tín chỉ)

Tâm lý học TDTT là một lĩnh vực chuyên ngành của khoa học tâm lý, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở của đặc điểm tâm lý của con người khi tham gia những hoạt động TDTT; Đặc điểm tâm lý của công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đây chính là cơ sở khoa học để huấn luyện viên, giáo viên vận dụng trong việc điều chỉnh tâm lý của học sinh và vận động viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục học sinh, vận động viên.

7.23. 59ATH341, Điền kinh (4 tín chỉ)

Học phần Điền kinh trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Điền kinh. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền tốc độ, nhanh, mạnh, khả năng phối hợp vận động và là nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7.24. 59GYM331, Thể dục (3 tín chỉ)

Thể dục (Đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản) là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Các kỹ thuật cơ bản về đội ngũ, các bài tập về đội

hình, các bài tập thể dục cơ bản, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học. Thông qua môn học giúp người học bồi dưỡng tư thế thân thể đúng, chính xác thực hiện động tác thể dục thể thao, đồng thời rèn tính tổ chức kỉ luật, tính tập thể để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kĩ thuật của môn học khác.

7.25. 59SWM331, Bơi (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn Bơi đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy; phương pháp phòng, chống đuối nước, phương pháp kiểm tra, đánh giá; Luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bơi.

7.26. 59FBA331, Bóng đá (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của bóng đá với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng đá.

7.27. 59BMT331, Cầu lông (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Cầu Lông. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7.28. 59VLB331, Bóng chuyền (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của bóng chuyền với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng chuyền.

7.29. 59BKB331, Bóng rổ (3 tín chỉ)

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ

được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng rổ; Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

7.30. 59KFU331, Võ Thuật (3 tín chỉ)

Với sự phát triển rộng rãi phong trào tập luyện Võ thuật trong các trường học hiện nay, việc trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Võ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu từ thực tiễn trên là rất cần thiết. Học phần Võ thuật gồm phần Lý thuyết (lịch sử phát triển, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu,...) và Phần thực hành (tấn pháp, kỹ thuật đòn tay và đòn chân; khóa gỡ căn bản; phản đòn căn bản; quyền pháp; phương pháp tổ chức thi đấu,...).

7.31. 59NTS331, Thể thao dân tộc (3 tín chỉ)

Môn Thể thao dân tộc trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của các môn Thể thao dân tộc.

7.32. 59SSC331, Đá cầu (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của Đá cầu với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Đá cầu, Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

7.33. 59SGA331, Trò chơi vận động (3 tín chỉ)

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về môn Trò chơi vận động như: Sơ lược lịch sử, ý nghĩa và tác dụng của môn học. Thông qua môn học sinh viên có thể phân tích được phương pháp tổ chức các trò chơi vận động, cách thức biện soạn, đánh giá và sáng tác và tổ chức được trò chơi phù hợp với đối tượng và năng lực vận động. Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm. Môn học trò chơi góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong cho sinh viên và tạo điều kiện cho học tập các môn thể thao.

7.34. 59GYG331, Gym (3 tín chỉ)

Gym là môn học tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Huấn luyện Thể thao. Môn học này có thể được coi là một phương

tiện hiệu quả để rèn luyện và củng cố sức khỏe, phát triển toàn diện các tố chất thể lực như sức bền, sức mạnh, sự linh hoạt và độ dẻo dai cho người tập. Điểm đặc biệt của Gym là hình thức tập luyện phong phú, với nhiều bài tập đa dạng phù hợp với sở thích và nhu cầu của từng cá nhân, đồng thời đáp ứng được mục tiêu khỏe mạnh, vóc dáng cân đối của sinh viên. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên các nội dung chính sau: Tổng quan về Gym và quản lý phòng Gym; Các phương pháp tập luyện cơ bản và nâng cao; Kỹ thuật sử dụng thiết bị và dụng cụ tập luyện; Phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá môn học; Kỹ năng quản lý và tổ chức hoạt động phòng Gym chuyên nghiệp.

7.35. 59YOG331, Yoga (3 tín chỉ)

Học phần Yoga trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, ý nghĩa cũng như chuỗi các tư thế, giá trị sức khỏe, giá trị chữa lành thân tâm. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về Kỹ thuật cơ bản các tư thế, thở và thiền trong Yoga, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Yoga.

7.36. 59PLB331, Pickleball (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của Pickleball với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Pickleball.

7.37. 59TEI,331, Quần vợt (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Quần vợt. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7.38. 59CHE331, Cờ vua (3 tín chỉ)

Cờ vua là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc lịch sử phát triển, đặc điểm tác dụng khi tập luyện môn cờ vua, xu hướng phát triển môn cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, các thông tin quy ước; phương pháp nghiên cứu ván đấu qua các giai đoạn, cách đánh giá thế trận, phân tích lập kế hoạch cho từng ván đấu; những kiến thức lý luận về phương pháp giảng dạy, tập luyện, phương pháp thi đấu và trọng tài cờ vua.

7.39. 59TTE331, Bóng bàn (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng bàn. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

7.40. 59IEE431, Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của các chương trình đào tạo cử nhân của trường Đại học Sư phạm. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giúp người học phát triển các kỹ năng để thực hiện đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông.

7.41. 59EDS431, Phương pháp huấn luyện thể thao (3 tín chỉ)

Học phần Phương pháp huấn luyện thể thao trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác huấn luyện trong lĩnh vực thể dục thể thao như: Các nguyên tắc và phương pháp huấn luyện; cách xây dựng, tổ chức và quá trình huấn luyện thể thao. Giúp sinh viên nâng cao hiểu biết và vận dụng vào công tác tuyển chọn, huấn luyện các môn thể thao ở cơ sở và trường học sau khi tốt nghiệp.

7.42. 59SCC431, Giáo dục học TDTT (3 tín chỉ)

Môn Giáo dục học TDTT cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản nhất về lý luận giáo dục trong thể thao, phân tích bản chất của giáo dục, các qui luật, xu thế, triển vọng của nó. Trên cơ sở đó, nghiên cứu mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục con người trong hoạt động thể thao. Giúp sinh viên có được những hiểu biết quan trọng cần thiết về việc tổ chức, quản lý, giáo dục con người trong xã hội nói chung, trong thể thao nói riêng, đặc biệt chuẩn bị tốt cho tiềm lực lao động sư phạm và huấn luyện thể thao.

7.43. 59ASF431, Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở (3 tín chỉ)

Môn học tạo môi trường thực tế về chuyên môn cho sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm đã học trong lý thuyết để lập kế hoạch tổ chức và quản lý các hoạt động học tập, trải nghiệm và rèn luyện của sinh viên

trong thực tiễn ở cơ sở; từ đó, nâng cao kiến thức đã học, kết hợp giữa lý luận và thực tế, học đi đôi với hành; rèn luyện các kỹ năng, kỷ luật tập thể. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, khai thác, xử lý số liệu, viết báo cáo thu hoạch, cách thức tổ chức tập luyện các môn thể thao. Thông qua việc nghiên cứu, tham quan và học tập tại các cơ sở, sinh viên được trang bị kiến thức thực tế phục vụ cho nghiên cứu chuyên ngành, đồng thời bồi dưỡng lòng yêu nghề nghiệp thông qua thực tiễn trải nghiệm.

7.44. 59PEP421, Thực tập nghiệp vụ 1 (2 tín chỉ)

Nội dung môn học Thực tập nghiệp vụ 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế công tác huấn luyện/dạy học năng khiếu, giáo dục, tiếp xúc với VĐV/học sinh và huấn luyện viên, giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người huấn luyện viên, giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác quản lý đội tuyển/lớp học.

7.45. 59PEP432, Thực tập nghiệp vụ 2 (3 tín chỉ)

Nội dung môn học Thực tập nghiệp vụ 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác quản lý đội tuyển/lớp năng khiếu TT, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng có bản về xây dựng kế hoạch huấn luyện; tổ chức huấn luyện; đánh giá kết quả tập luyện của VĐV/HS; có thể lên lớp huấn luyện và quản lý đội tuyển/lớp một cách độc lập.

7.46. 59FBA441, Bóng đá chuyên sâu 1 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.47. 59FBA442, Bóng đá chuyên sâu 2 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.48. 59FBA443, Bóng đá chuyên sâu 3 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá

và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.49. 59FBA444, Bóng đá chuyên sâu 4 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.50. 59FBA445, Bóng đá chuyên sâu 5 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.51. 59VLB441, Bóng chuyền chuyên sâu 1 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng chuyền và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.52. 59VLB442, Bóng chuyền chuyên sâu 2 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng chuyền và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.53. 59VLB443, Bóng chuyền chuyên sâu 3 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng chuyền và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.54. 59VLB444, Bóng chuyền chuyên sâu 4 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng chuyền và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.55. 59VLB445, Bóng chuyên chuyên sâu 5 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng chuyên và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.56. 59BKB441, Bóng rổ chuyên sâu 1 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn bóng rổ chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng rổ chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.57. 59BKB442, Bóng rổ chuyên sâu 2 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn bóng rổ chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng rổ chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.58. 59BKB443, Bóng rổ chuyên sâu 3 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn bóng rổ chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng rổ chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.59. 59BKB444, Bóng rổ chuyên sâu 4 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn bóng rổ chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng rổ chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.60. 59BKB445, Bóng rổ chuyên sâu 5 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn bóng rổ chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn bóng rổ chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.61. 59BMT441, Cầu lông chuyên sâu 1 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn cầu lông chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn cầu lông chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.62. 59BMT442, Cầu lông chuyên sâu 2 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn cầu lông chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn cầu lông chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.63. 59BMT443, Cầu lông chuyên sâu 3 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn cầu lông chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn cầu lông chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.64. 59BMT444, Cầu lông chuyên sâu 4 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn cầu lông chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn cầu lông chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.65. 59BMT445, Cầu lông chuyên sâu 5 (4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học về nguyên lý kỹ thuật môn cầu lông chuyên sâu và luật thi đấu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nâng cao của môn cầu lông chuyên sâu và năng lực vận dụng luật thi đấu để phân tích, giải thích các tình huống trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện thể thao.

7.66. 59GTP904, Khoá luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài khoá luận tốt nghiệp, vận dụng các kiến thức chuyên ngành, các phương pháp nghiên cứu khoa học đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã được phê duyệt.

7.67. 59SMG901, Quản lý TDTT (3 tín chỉ)

Học phần Quản lý Thể dục thể thao trang bị cho người học những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý Thể dục Thể thao; Cán bộ quản lý trong lĩnh vực Thể dục Thể thao; Hoạt động chỉ đạo, kiểm tra... hệ thống tổ chức, quản lý Thể dục Thể thao Việt Nam; Công tác tuyên truyền Thể dục Thể thao; Hoạt động dịch vụ Thể dục Thể thao. Từ những nội dung kiến thức này, người học có thể vận dụng vào công tác quản lý hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng tại cơ sở và hoạt động Giáo dục Thể chất và Thể thao trường học.

7.68. 59SPE901, Kinh tế học TDTT (3 tín chỉ)

Kinh tế học TDTT là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị cho người học những kiến thức chung về Kinh tế TDTT; Cơ sở lý luận và nội dung nghiên cứu của kinh tế học TDTT; Ngành thể dục thể thao và sản xuất dịch vụ thể thao; Hàng hóa TDTT, Kinh doanh TDTT. Thông qua môn học, người học có thể vận dụng kiến thức vào hoạt động giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn của bản thân.

7.69. 59SEM901, Thể thao giải trí (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên các nội dung về lý luận hình thành thể thao giải trí; cơ sở của thể thao giải trí; các phương tiện và phương pháp thể dục thể thao giải trí; các môn thể dục dưỡng sinh và giải trí, gắn với thiên nhiên mang tính dân tộc; Các môn thể dục dưỡng sinh và giải trí, vận dụng trí tuệ, nghệ thuật và thanh lịch; Nhóm các môn giảm tải, mô phỏng các môn thể thao Olympic để giải trí và các môn thể dục thể thao giải trí tạo cảm giác mạnh dân gian và hiện đại đang sử dụng.

7.70. 59SHO901, Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic (3 tín chỉ)

Môn Lịch sử thể dục thể thao và Olympic là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân huấn luyện thể thao. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của thể dục thể thao và lịch sử Olympic qua các thời kỳ, các đại hội, thể vận hội ở trên thế giới và ở Việt Nam.

7.71. 59SMT901, Marketing Thể thao (3 tín chỉ)

Marketing thể thao là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong một doanh nghiệp/ tổ chức thể thao, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Mai Xuân Trường

TS. Đỗ Ngọc Cường